ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 973 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 5 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 4713
Ngày: 29/5/17
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 491/TTr-SYT ngày 15/5/2017 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 1043/SYT ngày 22/5/2017 về việc giải trình chênh lệch giá gói thầu mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp tim mạch 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính như sau:

1. Nội dung gói thầu (tên gói thầu): Mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ đầu tư (Bên mời thầu): Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

3. Phân chia gói thầu và giá gói thầu: Gồm 01 gói thầu, cụ thể như sau:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu : Mua vật tư y tế phục vụ cho việc chụp và can thiệp mạch vành năm 2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	7.143.088.070 đồng	**- Nguồn vốn**: Sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu sự nghiệp theo Quyết định số 109/QĐ-SYT ngày 15/02/2017 của Giám đốc Sở Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II năm 2017	Hợp đồng theo đơn giá	Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31 tháng 10 năm 2017.
Tổng cộng: 7.143.088.070 **đồng**								

Bằng chữ: 7.143.088.070 đồng *(Bảy tỉ một trăm bốn mươi ba triệu triệu không trăm tám mươi tám nghìn không trăm bảy mươi đồng).*

(Tên vật tư y tế, số lượng quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn vị tính, giá kế hoạch của từng mặt hàng như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc xếp, vận chuyển đến kho Vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và các chi phí khác có liên quan.

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế; Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Như Điều 4
- CT, PCT (KGVX) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(HQ 214.)

PHỤ LỤC

PHẠM VI CUNG CẤP VẬT TƯ Y TẾ CHỤP VÀ CAN THIỆP MẠCH VÀNH NĂM 2017 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: VNĐ

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
STENT ĐMV PHỦ THUỐC							
1	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu, thiết kế open cell giúp các nhánh phụ truy cập tối ưu Khung giá đỡ: khung cobalt-crom (CoCr L605), khung có thiết kế mắt mở dạng open cell giúp tiếp xúc và lưu thông máu tối ưu với các mạch nhánh. profile nhỏ và mịn đảm bảo giảm thiểu chấn thương cho thành mạch máu và cung cấp tính linh hoạt cao . Chất liệu bọc ngoài: poly DL -co-lactide –Glycolid Polymer Độ dày thuốc phủ: 1.3 µg/mm2. Tổng lượng thuốc phủ là 221 µg. Thời gian bán hủy: trong vòng 36 ngày - Đường kính stent: từ 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0mm - Độ dài stent: từ 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48mm Đạt tiêu chuẩn CE, ISO, có xuất xứ từ Châu Âu Quy cách: Cái/ hộp	Cái	Ngoại nhập	20	40.500.000	810.000.000
2	Stent phủ thuốc	* Chất liệu stent: thép không gỉ * Lớp phủ polymer loại tự tiêu sinh học, thuốc Biolimus A9. * Kích thước rút ngắn tối đa: 0.39%. * Độ đàn hồi trở lại: 2.46%. * Đường kính mắt cáo: 1.68mm * Đường kính stent từ 2,25mm đến 4mm, chiều dài từ 11mm đến 36mm	Cái	Ngoại nhập	10	40.150.000	401.500.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
3	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Phủ thuốc Sirolimus khung Cobalt Chromium đầu lớn đầu nhỏ, mắt đóng mắt mở, cơ chế bung từ giữa thân Stent. Có các chiều dài 30, 40, 50, 60mm. Strut thickness 65µm, 3% Recoil, Forshortening 0.29%	Cái	Ngoại nhập	10	38.000.000	380.000.000
4	Stent phủ thuốc	* Chất liệu stent: thép không gỉ * Thuốc Biolimus A9 được phủ lên bề mặt bên ngoài stent. Không có lớp polymer * Kích thước rút ngắn tối đa: 0.39%. * Độ đàn hồi trở lại: 2.46%. * Đường kính mắt cáo: 1.68mm * Đường kính stent từ 2,25mm đến 4mm, chiều dài từ 11mm đến 36mm	Cái	Ngoại nhập	10	42.000.000	420.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
5	Stent phủ thuốc	Giá đỡ mạch vành hybrid phủ thuốc Sirolimus: - Giá đỡ công nghệ tác động kép Biolute và ProBio - Vật liệu stent làm bằng Cobalt chromium. Làm trên nền stent Pro-Kinetic Energy, có phủ lớp Silicon Carbide a-SiC:H (PROBIO) ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent, chất liệu bóng mang stent là Semi Crystalline Polymer. - Tẩm thuốc Sirolimus, liều lượng 1.4µg/mm2. Thuốc được phóng thích 100% trong vòng 100 ngày - Dùng polymer Poly-L-Lactic Acid (PLLA) (polymer tự tiêu) phân hủy trong thời gian < 2 năm - Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange - Dây dẫn tương thích 0.014" - Profile: 0.017", thanh stent mỏng (60µm) ngoại trừ đường kính 3.5, 4.0 (80µm). - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F (đường kính trong ≥ 0.056") - Áp lực bơm bóng bình thường 8 atm, áp lực vỡ bóng 16 atm - Đường kính ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.6F đối với cỡ ø 2.25- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0 - Đủ kích thước: đường kính: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm; chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40 mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE - Hạn dùng 2 năm.	Cái	Ngoại nhập	15	41.309.000	619.635.000
6	Giá đỡ mạch vành tự tiêu sinh học	Giá đỡ (Stent)mạch vành sinh học bằng chất liệu Polymer loại Poly L-lactide (PLLA), phủ Poly (D, L-lactide) (PDLLA), phủ thuốc Everolimus 88µg tự tiêu hoàn toàn sau 02 năm, có 2 cặp điểm đánh dấu bằng bạch kim (Platinum) cách đầu stent 0.7mm; đk từ 2.5 đến 3.5mm, dài từ 8 đến 28mm	Cái	Ngoại nhập	5	59.500.000	297.500.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
7	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Xience V/ Xience Prime/ Xience Xpedition/ Xience Alpine hoặc tương đương	Giá đỡ (Stent)mạch vành có phủ thuốc Everolimus 88µg phóng thích thuốc trong 120 ngày, bề dày khung 81µm,chất liệu Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), chiều dài từ 8 đến 48mm, bề dày 0.0032", đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, nguyên liệu bóng trong stent là Pebax đa lớp.	Cái	Ngoại nhập	10	46.000.000	460.000.000
8	Stent không phủ thuốc	Giá đỡ mạch vành thường Co-Cr: - Làm bằng Cobalt Chromium, phủ hợp chất Silicon Carbide a-SiC:H (PROBIO) ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent. - Stent bung bằng bóng, làm trên nền bóng chất liệu semi-crystalline co-polymer (nền bóng Pantera), áp lực bình thường 9atm, áp lực vỡ bóng từ 14 – 16atm. - Profile 0.017", thanh stent mỏng: đường kính 2.0, 3.0mm (60µm); đường kính 3.5, 4.0 mm (80µm); đường kính 4.5, 5.0mm (120µm) - Đường kính thân ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.5F đối với cỡ ø 2.0- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0- 5.0 mm - Tương thích guiding nhỏ nhất 5F - Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange - Dây dẫn tương thích 0.014" - Đủ kích thước: đường kính: 2.0, 2,25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 mm, chiều dài : 9, 13, 15, 18, 20, 22, 26, 30, 35, 40mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	10	17.256.000	172.560.000
9	Stent không phủ thuốc	- Mô tả: Stent mạch vành thường có nối đôi 8 cells - Kích cỡ: đường kính 2.5-4mm, dài 9-28mm - Chất liệu: làm bằng Cobalt-Chrome. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: thành Stent mỏng (0.0031") nhưng rất cứng. Mắt cáo có cấu trúc nối đôi 8 cells thuận tiện cho trường hợp nong Stent tại nhánh ngã ba (bifurcation).	Cái	Ngoại nhập	10	17.500.000	175.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
NHÓM BÓNG NONG MẠCH VÀNH THÔNG THƯỜNG							-
Bóng nong mạch vành SC (bán đàn hồi)							-
10	Bóng nong mạch vành áp lực cao (các cỡ)	Công nghệ HIST tip với đầu tip bám sát, uốn theo dây dẫn. Nếp gấp công nghệ TiFo giảm tiết diện thâm nhập. Độ giãn nở kiểm soát (0.6% trên mỗi atm). Áp lực bơm bóng tối đa 22 atm, thích hợp cho san thương bị can xi hóa và áp sát stent vào thành mạch. Hệ thống catheter: rapid exchange. Đường kính bóng: 2 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 18 mm. (Chi tiết các cỡ)	Cái	Ngoại nhập	15	7.900.000	118.500.000
11	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	Bóng nong mạch vành Helix -Mô tả: Công nghệ lớp phủ bằng sóng siêu âm độc quyền Glide™ Hydrophilic bên ngoài và Fast™ bên trong. Marker làm bằng chất liệu Platinum tăng cường khả năng hiển thị tốt. Kích cỡ: Kích cỡ size từ 1.0 mm đến 4.0 mm, chiều dài từ 5 mm đến 30 mm. -Chất liệu: property pebax	Cái	Ngoại nhập	10	8.200.000	82.000.000
12	Bóng nong mạch vành mảnh, mềm dẻo, linh hoạt, có thể bơm xả nhiều lần	Bóng nong MOZEC Chất liệu Novalon, phủ lớp MeriGlide. Độ dày đầu mũi nhỏ 0.016'', độ dày xuyên qua tổn thương nhỏ nhất 0.022''. Gấp nếp 2 lần đối với đường kính 2.00 và 3 lần đối với đường kính 2.25 tới 4.50mm. Chiều dài 6, 9, 12, 14, 15, 17, 20, 25, 33, 38, 41mm.	Cái	Ngoại nhập	20	7.350.000	147.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
13	Bóng nong mạch vành semi-compliant hoặc tương đương (các cỡ)	* Chất liệu: Polyamide resin. * Đường kính bóng từ 1,2mm đến 3.5mm. Có cả đường kính 1/4 như: 2.25, 2.75, 3.25. * Phủ bên ngoài lớp ái nước giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. * Đường kính đầu tip (Entry profile) 0.41mm, thiết diện (crossing profile): 0.66mm, thuôn, mềm, hạn chế tổn thương thành mạch. * Thời gian xẹp bóng: 3 giây. * Có 2 marker trên thân catheter, 1 marker cách đầu xa 90cm để định vị khi can thiệp qua động mạch quay, 1 marker cách đầu xa 100cm để định vị khi can thiệp qua động mạch đùi.	Cái	Ngoại nhập	20	7.500.000	150.000.000
14	Bóng nong áp lực thường Trek/Mini Trek/ Traveler hoặc tương đương (các cỡ)	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bán đàn hồi (Semi-Compliant), nguyên liệu Pepax, 2 lớp, phủ lớp ái nước Hydrophilic; đường kính 1.2-5.0mm, chiều dài 6-30mm; công nghệ bóng Crossflex đa lớp, điểm đánh dấu kép bằng Tungsten uốn cong được	Cái	Ngoại nhập	20	8.250.000	165.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
15	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	Cấu tạo, Đặc điểm : Tazuna , Profile nhỏ để giúp đi qua chỗ hẹp dễ dàng . Có lớp ái nước Hydrophilic coating giúp trơn dễ luồn qua đoạn hẹp . Đầu dẫn bóng nhỏ chỉ 0.41mm, có lớp ái nước hydrophilic . Đầu nhỏ, lòng ôm sát dây dẫn và thuôn để, tráng lớp ái nước để qua được chỗ hẹp. . Bóng cỡ 2.0 trở lên có 2 điểm đánh dấu cản quang để định vị bóng . Bóng cỡ 2.0; 1.5, 1.25 có cấu trúc S-wrap và có 1 điểm đánh dấu cản quang để định vị bóng . Bóng 2.25 và to hơn có cấu trúc 3-wrap . Thân bóng nhỏ đoạn gần cỡ 2.4F hoặc 2.5F. Đoạn xa có kích cỡ 2.0F cho phép đưa lọt 2 bóng qua được lòng Catheter trợ giúp can thiệp 6F. . Thân bóng đoạn sát tay cầm có cấu tạo PTFE Coated Hypo Tube, có lớp phủ PTFE để giảm ma sát với mặt trong lòng Catheter trợ giúp can thiệp . Khả năng giãn nở đúng cỡ tham chiếu ở khoảng áp lực =< 6atm , áp lực căng bóng ở mức 14atm Kích thước : các cỡ 1.25 ; 1.5; 2.0 ; 2.25 ; 2.5 ; 2.75; 3.0mm ; dài 10, 15, 20mm	Cái	Ngoại nhập	20	8.400.000	168.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
16	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	- Bóng nong mạch vành thường: bền, chịu áp lực bình thường 7atm, áp lực vỡ bóng 14atm, thân bóng mềm, linh hoạt. - Đường kính hệ thống bóng (Profile) 0.017". - Chiều dài thân hữu dụng Catheter bóng 140 cm - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Thiết kế: hypotube - Vật liệu bóng làm bằng SCP (Semi Crystalline Polymer). - Bóng có 2 nếp gấp đối với size nhỏ 1.25-1.5mm, 3 nếp gấp đối với size 2.0-4.0 mm - Điểm đánh dấu (Maker típ): Platinum-Iridium. - Đủ kích thước khác nhau: đường kính : 1.25, 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 mm; chiều dài : 6, 10, 15, 20, 25, 30 mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	15	8.189.025	122.835.375
Bóng nong mạch vành NC (KHÔNG đàn hồi)							-
17	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	Bóng nong áp lực cao MOZEC NC Chất liệu Nylon, phủ lớp MeriGlide. Độ dày đầu mũi nhỏ 0.016'', độ dày xuyên qua tổn thương nhỏ nhất 0.023''. Gấp nếp 3 lần đối với đường kính 2.0 tới 4.0mm. Chiều dài 8,13, 15, 18mm.	Cái	Ngoại nhập	10	7.350.000	73.500.000
18	Bóng nong áp lực cao Trek RX/ NC Traveler RX hoặc tương đương	Bóng nong mạch vành áp lực cao đàn hồi (Non-Compliant), nguyên liệu Pepax, 2 lớp, phủ lớp ái nước Hydrophilic; đường kính 1.5 đến 5.0mm, chiều dài 6 đến 25mm; công nghệ bóng CrossFlex đa lớp, điểm đánh dấu bằng Tungsten	Cái	Ngoại nhập	15	8.150.000	122.250.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
19	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	- Bóng nong mạch vành áp lực cao: bền, chịu áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng 20atm (ngoại trừ 4.5 và 5.0, áp lực vỡ bóng là 18atm), thân bóng mềm, linh hoạt. - Đường kính hệ thống bóng (Profile) 0.018". - Chiều dài thân hữu dụng bóng 145 cm - Guiding tương thích 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Thiết kế: hypotube - Vật liệu bóng làm bằng SCP (Semi Crystalline Polymer), 3 fold (3 nếp gấp). - Điểm đánh dấu (Marker típ): Platinum-Iridium. - Đủ kích thước khác nhau: đường kính : 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 mm; chiều dài : 8, 12, 15, 20, 30 mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	15	8.189.025	122.835.375

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
20	Bóng nong mạch vành (các cỡ)	Cấu tạo, Đặc điểm : Tazuna , Profile nhỏ để giúp đi qua chỗ hẹp dễ dàng . Có lớp ái nước Hydrophilic coating giúp trơn dễ luồn qua đoạn hẹp . Đầu dẫn bóng nhỏ chỉ 0.41mm, có lớp ái nước hydrophilic . Đầu nhỏ, lòng ôm sát dây dẫn và thuôn để, tráng lớp ái nước để qua được chỗ hẹp. . Bóng cỡ 2.0 trở lên có 2 điểm đánh dấu cản quang để định vị bóng . Bóng cỡ 2.0; 1.5, 1.25 có cấu trúc S-wrap và có 1 điểm đánh dấu cản quang để định vị bóng . Bóng 2.25 và to hơn có cấu trúc 3-wrap . Thân bóng nhỏ đoạn gần cỡ 2.4F hoặc 2.5F. Đoạn xa có kích cỡ 2.0F cho phép đưa lọt 2 bóng qua được lòng Catheter trợ giúp can thiệp 6F. . Thân bóng đoạn sát tay cầm có cấu tạo PTFE Coated Hypo Tube, có lớp phủ PTFE để giảm ma sát với mặt trong lòng Catheter trợ giúp can thiệp . Khả năng giãn nở đúng cỡ tham chiếu ở khoảng áp lực =< 6atm , áp lực căng bóng ở mức 14atm Kích thước : các cỡ 1.25 ; 1.5; 2.0 ; 2.25 ; 2.5 ; 2.75; 3.0mm ; dài 10, 15, 20mm	Cái	Ngoại nhập	10	8.400.000	84.000.000
BÓNG PHỦ THUỐC							-

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
21	Bóng nong mạch vành	Bóng nong mạch vành tẩm thuốc: - Bóng phủ thuốc Paclitaxel (3.0µg/mm^2). Vùng phủ thuốc là khoảng giữa 2 marker. - Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) và phóng thích từ 30-60 giây, tồn tại trong lòng mạch 7 ngày. - Profile: 0.017", tri-fold (3 nếp gấp). - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Chiều dài catheter bóng 140 cm. Catheter bóng loại Fast-Exchange - Đủ kích thuốc khác nhau: đường kính 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 mm; chiều dài: 10, 15, 20, 25, 30 mm - Áp suất bình thường 7atm - Áp lực vỡ bóng 13atm (riêng 4.0 là 12 atm). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE - Hạn dùng 2 năm.	Cái	Ngoại nhập	5	23.800.000	119.000.000
DỤNG CỤ MỞ ĐƯỜNG							-
Động mạch Quay							-

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
22	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	Cấu tạo: Bao gồm các thành phần sau : Introducer II Sheet . Kim catheter chọc mạch cỡ 20G x 2". . Guide wire nhỏ cỡ 0.025" x 45cm . Bơm tiêm 2.5ml . Introducer Sheath . Delator . Dao rạch da Đặc điểm, Hình dạng : Sheath có lớp ái nước M Coating giúp Sheath đi qua da và thành mạch dễ dàng, lực ma sát cản chỉ bằng 1/2 so với sheath thông thường, lớp ái nước ngăn ngừa hiện tượng co mạch . Sheath ôm khít Delator, mỏng để luồn qua da và thành mạch dễ dàng không gợn, không rít. . Guide wire dài 0.025" dài 45cm để dẫn đường cho Delator và- Sheath . Van cầm máu hình chữ thập kiểu " Cross-Cut" chống rỉ máu và cho phép các dụng cụ khác như catheter, dây dẫn qua dễ dàng. Kích thước: -A Kit Cỡ 5F,6F, dài 10cm/16cm/25cm ,đk 0.025" Wire dài 45cm/80cm. kim 20G.B Kít cỡ 5F,6F dài 10cm/16cm/25cm ,đk wire 0.021" và 0.025" dài 45cm/80cm	Bộ	Ngoại nhập	150	525.000	78.750.000
23	Dụng cụ chụp động mạch vành phải- trái Outlook Tiger	Cấu tạo:Cấu trúc 4 lớp : lớp đan kép, chống xoắn, lòng rộng hơn các loại catheter thông thường cùng cỡ, đầu catheter rất linh hoạt , catheter không gây co mạch khi đi qua động mạch rất nhỏ (động mạch quay) Đặc điểm, Hình dạng : Catheter có độ mềm mại cân bằng với độ cứngđể đẩy dễ dàng tới đích, không gập gẫy khi xoay lắc , chụp cả hai mạch vành phải và vành trái. Kích thước: cỡ 5F và 4F, dài 100cm Vật liệu: polyamide đảm bảo catheter có độ cứng và mềm cân bằng khi đưa tới đích.	Cái	Ngoại nhập	20	819.000	16.380.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
24	Dụng cụ dẫn đường Guide Wire M (Dây dẫn ống thông loại M dùng trong can thiệp mạch)	Cấu tạo : Dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước M Coating để ít tổn thương nội mạc, linh hoạt dễ lái Đặc điểm, Hình dạng : Dài 150 và 260cm đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J , phần đầu linh hoạt dài 1, 3, 5, 7cm dễ uốn, nhớ hình, đảm bảo tới các tổn thương và đường đi giải phẫu khác nhau Kích thước: cỡ 0.035" dài 150cm và 260cm Vật liệu: Chất liệu lõi dây làm bằng Nitinol, tăng tính cản quang để người sử dụng quan sát bằng lớp áo Tungsten , phủ ngoài bằng lớp ái nước M Coat	Cái	Ngoại nhập	30	525.000	15.750.000
BỘ HÚT HUYẾT KHỐI							-
25	Bộ hút huyết khối Thrombuster II hoặc tương đương	Phủ lớp Hydrophilic ái nước đoạn 30cm tính co giãn giúp dễ dàng di chuyển trong lòng mạch máu, lõi dây dẫn có thể tháo rời, giúp tăng cường khả năng đẩy vào và có tính năng chống bị xoắn, tương thích catheter = 0.07 inch ; 0.08 inch,Tương thích dây dẫn = 0.014 inch	Bộ	Ngoại nhập	5	8.700.000	43.500.000
NHÓM BƠM TIÊM ÁP LỰC							-
26	Encore26	Bộ bơm bóng áp lực cao Ap lực tối đa 26ATM, dung tích 20ml	Cái	Ngoại nhập	50	1.260.000	63.000.000
27	Bộ bơm bóng Indeflator 20/30 có van Copilot (20/30 Priority Pack with Copilot)	Bộ bơm bóng 20/30 áp lực tối đa 30 atm, kim tiêm 20cc. Thiết kế đặc biệt có van điều chỉnh Copilot chống rỉ máu, xẹp bóng nhanh giúp thủ thuật nhanh hơn	Cái	Ngoại nhập	50	1.298.000	64.900.000
28	Bơm tiêm áp lực có dung tích 10ml (có đầu xoáy luer lock, phần đầu bơm > 1 inch để giảm áp lực khi bơm các dung dịch có tỷ trọng nặng).	Bơm tiêm 10ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có nhiều màu sắc khác nhau: có 7 màu sắc khác nhau để phân biệt. - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	300	99.750	29.925.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
29	Bơm áp lực cao	Bộ bơm bóng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Áp lực 30atm - Thể tích 20ml - Đồng hồ bơm áp lực có phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu, Insertion tool, torque device, 3-way stopcock. - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	50	1.420.000	71.000.000
NHÓM KIM CHỌC DÒ							
30	Kim chọc dò các loại, các cỡ	Kim chọc mạch quay, đùi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Vật liệu làm bằng thép không gỉ. - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G - Có đủ kích thước khác nhau - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	200	31.500	6.300.000
31	Kim chọc tĩnh mạch đùi Surflo I.V Catheter các số	.Chất liệu ETFE đảm bảo tương đồng sinh học cao, ít gây kích ứng đỏ da, viêm tĩnh mạch, đặc biệt khi lưu kim lâu tới 72h. .Chất liệu ETFE đảm bảo cho thành Ca-tê-te đủ cứng, đàn hồi tốt, ôm kim. Ca-tê-te dễ dàng đi qua da vào tĩnh mạch, sử dụng được khi chọc tĩnh mạch cảnh, động mạch quay và động mạch đùi	Cái	Ngoại nhập	50	16.170	808.500
32	Kim chọc tĩnh mạch quay Surflo I.V Catheter các số	.Chất liệu ETFE đảm bảo tương đồng sinh học cao, ít gây kích ứng đỏ da, viêm tĩnh mạch, đặc biệt khi lưu kim lâu tới 72h. .Chất liệu ETFE đảm bảo cho thành Ca-tê-te đủ cứng, đàn hồi tốt, ôm kim. Ca-tê-te dễ dàng đi qua da vào tĩnh mạch, sử dụng được khi chọc tĩnh mạch cảnh, động mạch quay và động mạch đùi	Cái	Ngoại nhập	50	15.750	787.500
NHÓM DÂY BƠM ÁP LỰC							

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
33	Dây nối chụp buồng thất, áp lực 84BAR, dài 120cm -	* Chất liệu polyurethane. * Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) * Dài 120cm	Chiếc	Ngoại nhập	10	178.500	1.785.000
NHÓM DÂY DẪN ĐƯỜNG							-
34	Dây dẫn chụp mạch máu guide wire 0.035", 0.025" dài 150cm, đầu thẳng hoặc đầu J	* Chất liệu: thép không rỉ, phủ silicon, teflon. * Bề mặt trơn láng, dễ di chuyển trong lòng catheter cũng như lòng mạch máu. * Độ cản quang cao, không xoắn vặn khi thao tác. * Đường kính 0.035", 0.025"dài 150cm.	Cái	Ngoại nhập	150	350.000	52.500.000
35	Starter Guidewire	Dây dẫn chẩn đoán Mạch Vành và Mạch Máu Ngoại Vi dạng Starter Guidewire. Với hệ thống 0.018", 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038" và các chiều dài khác nhau 80cm, 125cm, 150cm, 180cm, 260cm. Phủ PTFE, đầu típ J, JFS, thẳng.	cái	Ngoại nhập	50	314.000	15.700.000
DÂY DẪN CAN THIỆP							-
36	Dây dẫn ái nước đường có trục xoay Guide Wire M các cỡ	Cấu tạo : Dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước M Coating để ít tổn thương nội mạc, linh hoạt dễ lái Đặc điểm, Hình dạng : Guide Wire M Dài 150cm đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J , phần đầu linh hoạt dài 1, 3, 5, 7cm dễ uốn, nhớ hình, đảm bảo tới các tổn thương và đường đi giải phẫu khác nhau Kích thước: cỡ 0.035" dài 150cm Vật liệu: Chất liệu lõi dây làm bằng Nitinol, tăng tính cản quang để người sử dụng quan sát bằng lớp áo Tungsten , phủ ngoài bằng lớp ái nước M Coat	Cái	Ngoại nhập	20	525.000	10.500.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
37	Dây dẫn can thiệp mạch vành	Cấu tạo runthrough hypercoat là cấu tạo nhiều đoạn khác nhau phủ lớp ái nước M Coat, có đoạn phủ Silicone hơi cứng dỡ dàng qua các vị trí xơ vữa phức tạp, có đoạn phủ PTFE, Các đoạn nối với nhau bằng công nghệ nối đồng trục trực tiếp đảm bảo truyền lực từ đoạn gần đến đoạn xa của dây dẫn lái dễ dàng qua tổn thương. Đặc điểm, Hình dạng : Đầu rất linh hoạt, dễ dàng quặt lại khi gặp tổn thương tắc nghẽn xơ cứng, không gây lóc, tách, lựa để lách qua khe tổn thương hẹp, trôi theo dòng chảy của nhịp tim đập, Kích thước: đường kính 0.014"/ 0.36mm và dài 180cm , đầu coil 25cm ,đầu tip dài 3cm Vật liệu: cấu tạo nhiều phần lõi làm bằng Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần	Cái	Ngoại nhập	20	1.995.000	39.900.000
38	Dây dẫn can thiệp mạch vành	Cấu tạo runthrough hypercoat là cấu tạo nhiều đoạn khác nhau phủ lớp ái nước M Coat, có đoạn phủ Silicone, mềm mại có đoạn phủ PTFE, Các đoạn nối với nhau bằng công nghệ nối đồng trục trực tiếp đảm bảo truyền lực từ đoạn gần đến đoạn xa của dây dẫn lái dễ dàng qua tổn thương. Đặc điểm, Hình dạng : Đầu rất linh hoạt, dễ dàng quặt lại khi gặp tổn thương tắc nghẽn xơ cứng, không gây lóc, tách, lựa để lách qua khe tổn thương hẹp, trôi theo dòng chảy của nhịp tim đập, Kích thước: đường kính 0.014"/ 0.36mm và dài 180cm , đầu coil 25cm ,đầu tip dài 3cm Vật liệu: cấu tạo nhiều phần lõi làm bằng Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần	Cái	Ngoại nhập	50	1.995.000	99.750.000
39	Dây dẫn can thiệp mạch máu Hi-Torque BMW Elite hoặc tương đương	Dây dẫn can thiệp 0.014 x 190cm hoặc 300cm; đầu cong chữ J, đầu thẳng; chịu lực 0.8g có phủ lớp ái nước lõi durasteel toàn bộ phủ Polymer các cỡ	Cái	Ngoại nhập	10	2.200.000	22.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
40	Dây dẫn can thiệp mạch máu Hi-Torque Pilot 50-150-200 hoặc tương đương	Dây dẫn can thiệp mạch máu 0.014 x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng; chịu lực 1.5g-2.7g-4.1g có phủ lớp ái nước Hydrophilic; lõi durasteel toàn bộ phủ Polymer các cỡ	Cái	Ngoại nhập	30	2.200.000	66.000.000
41	Dây dẫn can thiệp mạch máu Hi-Torque Progress/ Hi-Torque BMW Universal II hoặc tương đương	Dây dẫn can thiệp mạch máu 0.014 x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng, bền, chịu lực 0.6g, 0.7g, 0.8g bằng Elastin nitinol đầu dây có đánh dấu cản quang 1.5mm, mạ vàng cách đầu dây dẫn 4.5cm	Cái	Ngoại nhập	5	2.200.000	11.000.000
42	Dây dẫn can thiệp sang thương tắc mãn CTO	Dây dẫn theo công nghệ ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép giúp duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn 1:1. Dây dẫn đơn lõi với Tip load đặc biệt, khác nhau theo từng loại hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO khó. Vật liệu stainless steel. Lớp phủ Hydrophilic hoặc hydrophilic trên nền polymer. Chiều dài: 180, 190, 300cm; 330cm (RG3). (Chi tiết các cỡ)	Cái	Ngoại nhập	20	5.500.000	110.000.000
43	Dây dẫn can thiệp mạch vành (Tất cả các cỡ)	Dây dẫn đa lõi theo công nghệ SION TECC với cấu trúc vòng xoắn kép tăng tính ổn định và linh hoạt đầu tip (chống giựt), duy trì hình dạng & phản hồi momen xoắn tốt. Dây dẫn đơn lõi với thiết kế đa dạng cho các mục đích khác nhau (nối dài, đánh dấu vết thương, đi qua vết thương v.v) Vật liệu stainless steel, lớp phủ hydrophilic. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180, 300 cm; 150, 165 cm (Extension wire). (Chi tiết các cỡ)	Cái	Ngoại nhập	20	2.200.000	44.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
44	Dây nối can thiệp Extension Wire hoặc tương đương	Dây dẫn đa lõi theo công nghệ SION TECC với cấu trúc vòng xoắn kép tăng tính ổn định và linh hoạt đầu tip (chống giựt), duy trì hình dạng & phản hồi momen xoắn tốt. Dây dẫn đơn lõi với thiết kế đa dạng cho các mục đích khác nhau (nối dài, đánh dấu vết thương, đi qua vết thương v.v) Vật liệu stainless steel, lớp phủ hydrophilic. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180, 300 cm; 150, 165 cm (Extension wire). (Chi tiết các cỡ)	cái	Ngoại nhập	5	3.000.000	15.000.000
45	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Cấu tạo runthrough hypercoat là cấu tạo nhiều đoạn khác nhau phủ lớp ái nước M Coat, có đoạn phủ Silicone, mềm mại có đoạn phủ PTFE, Các đoạn nối với nhau bằng công nghệ nối đồng trục trực tiếp đảm bảo truyền lực từ đoạn gần đến đoạn xa của dây dẫn lái dễ dàng qua tổn thương. Đặc điểm, Hình dạng : Đầu rất linh hoạt, dễ dàng quặt lại khi gặp tổn thương tắc nghẽn xơ cứng, không gây lóc, tách, lựa để lách qua khe tổn thương hẹp, trôi theo dòng chảy của nhịp tim đập, Kích thước: đường kính 0.014"/ 0.36mm và dài 180cm , đầu coil 25cm ,đầu tip dài 3cm Vật liệu: cấu tạo nhiều phần lõi làm bằng Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần	Cái	Ngoại nhập	50	2.200.000	110.000.000
NHÓM DỤNG CỤ LẤY DỊ VẬT							-
46	Dụng cụ đóng mạch máu Perclose ProGlide/ Proglide Suture Mediated Closure (SMC) System hoặc tương đương	Dụng cụ đóng chỗ chọc mạch máu kích thước 5-8F, nút thắt sẵn, cầm máu bằng cơ chế cơ học	Bộ	Ngoại nhập	2	7.135.000	14.270.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
47	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol kích thước tiêu chuẩn từ 6 đến 45mm hoặc tương đương	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Ba vòng tròn của En Snare xoắn lại với nhau và tự làm vừa kích cỡ để gộp các mạch trội nhất lại với nhau. - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Các vòng Nitinol xoắn lại với nhau tạo nên toàn vẹn về cấu trúc. - Thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài: 100cm - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	2	8.262.660	16.525.320
48	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ EN Snare Mini	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA Ba vòng tròn của En Snare xoắn lại với nhau và tự làm vừa kích cỡ để gộp các mạch trội nhất lại với nhau. - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Các vòng Nitinol xoắn lại với nhau tạo nên toàn vẹn về cấu trúc. - Thước làm việc: 2-4mm, 4-8mm, - Chiều dài: 150cm - Hạn dùng 3 năm.	Cái	Ngoại nhập	2	8.060.000	16.120.000
49	Dụng cụ bắt dị vật Multi Snare	Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cản quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Vòng Snare được thiết kế 90o giúp bắt dị vật chính xác - Có thể dùng với catheter 4F 5F, 6F phù hợp cho trẻ em và các mạch máu nhỏ. - Đủ các kích cỡ của vòng từ 2,4,5,7,10,15,20,25,30,35 mm Chiều dài 100 cm	Cái	Ngoại nhập	2	8.890.000	17.780.000
NHÓM ADAPTER							-

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
50	Merit Manifold	Manifold 3 cổng -Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong 0.093" có 3 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực 200, 500 PSI (tùy mã sản phẩm) - Hạn sử dụng 3 năm	Cái	Ngoại nhập	100	212.000	21.200.000
Catheter chẩn đoán							-
51	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại	Chất liệu Nylon bền, mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhớ hình tốt - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE - Có đường viền bện (thép không gỉ) giúp thân ống thông giữ được hình dàng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu típ tốt. - Làm bằng chất liệu có cản quang - Có các loại JL, JR, AL, AR - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm/125cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao - Hạn dùng 3 năm	Cái	Ngoại nhập	150	477.920	71.688.000
52	Dây dẫn đường cho catheter chẩn đoán InQwire hoặc tương đương	Wire chuẩn 0,035". 0,025" dài 150 cm, 260 cm đầu cong J	cái	Ngoại nhập	50	420.000	21.000.000
Ống thông can thiệp							-
53	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Ống thông can thiệp mạch vành Runway loại cứng, lõi đan dải kim loại 2x4. Loại 6F có Lumen rộng 0.070". Các đầu congFR, FCR, JR, IM, IMC, LCB, RCB, CLS, LBU, KIMNY, ML, Radial	Cái	Ngoại nhập	100	2.300.000	230.000.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
54	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Cấu tạo: Nhiều lớp, lớp trong nhẵn để các dụng cụ khác như dây dẫn, bóng, stent trượt trong, lớp đan bằng lưới kim loại ở giữa, lớp vỏ ngoài không hoàn toàn nhẵn để không trượt khi càn lực back up support tựa vào lỗ động mạch vành Đặc điểm, Hình dạng : Đầu thẳng, mềm mại không gây tổn thương lỗ động mạch vành, không tổn thương lòng động mạch vành. Kích thước : cỡ 5F, 6F, 7F và dài 85, 100, 120cm Vật liệu: Vật liệu trong lòng là PTFE để trơn nhẵn, giảm ma sát với các loại dụng cụ dây dẫn, bóng, stent Tiger kim , BL,JL, JR các cỡ (5F-7F)	Cái	Ngoại nhập	40	2.350.000	94.000.000
55	Ống thông can thiệp động mạch vành Launcher guiding catheter hoặc tương đương (các cỡ)	Cấu tạo: Nhiều lớp, lớp trong nhẵn để các dụng cụ khác như dây dẫn, bóng, stent trượt trong, lớp đan bằng lưới kim loại ở giữa, lớp vỏ ngoài không hoàn toàn nhẵn để không trượt khi càn lực back up support tựa vào lỗ động mạch vành Đặc điểm, Hình dạng : Đầu thẳng, mềm mại không gây tổn thương lỗ động mạch vành, không tổn thương lòng động mạch vành. Kích thước : cỡ 5F, 6F, 7F và dài 85, 100, 120cm Vật liệu: Vật liệu trong lòng là PTFE để trơn nhẵn, giảm ma sát với các loại dụng cụ dây dẫn, bóng, stent ,EBU, AL,AR, JR các cỡ (5F-7F)	Cái	Ngoại nhập	50	2.150.000	107.500.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
56	Ống thông can thiệp siêu nhỏ Asahi (Microcatheter Tornus, Microcatheter Corsair) hoặc tương đương (các cỡ)	Thiết kế ống thông đặc biệt với lớp bện tungsten giúp tối ưu hóa lực đẩy và khả năng hỗ trợ dây dẫn đi qua những vết thương CTO, tắc hẹp nặng và vôi hóa cao (thao tác vừa đẩy & xoay hoặc đẩy đơn thuần) Đầu tip nhỏ (0.42~0.87 mm tapered: Corsair / 0.61, 0.70 mm tapered: Tornus) mềm dẻo và cản quang giúp đi theo mạch máu khúc khuỷa tốt với độ hiển thị cao, giảm thiểu tổn thương thành mạch. OD Distal/ Prox: 2.6/ 2.8 F (Corsair); 2.1 F (Tornus); 2.6/ 3.0 F (Tornus 88Flex). Chiều dài: 135, 150 cm. (Chi tiết các cỡ)	Cái	Ngoại nhập	5	15.000.000	75.000.000
57	Vi ống thông micro-catheter Fine cross các cỡ	Cấu tạo: Fine Cross đầu mềm không gây tổn thương mạch vành, ôm sát dây dẫn đường can thiệp mạch vành, Đặc điểm, Hình dạng : Đoạn đầu có cấu tạo nhiều đoạn, nhiều lớp, sau đoạn đầu mềm là đoạn có lớp cuộn bằng vàng để vẫn giữ được đặc tính mềm mà tăng tính cản quang, sau đó là đoạn đan kép bằng thép không rỉ để gia tăng tính hỗ trợ cho dây dẫn, mặt trong và mặt ngoài là PTFE tăng tính trơn nhẵn Kích thước: cỡ 1.8F/0.60mm đường kính ra đầu gần 2.6Fr/0.87mm,đường kính vào đầu xa 0.018"/0.45mm ,đường kính vào đầu gần 0.021"/0,55mm , dài 130cm và 150cm , dây dẫn đường đk lớn nhất 0.014"/0.36mm	Cái	Ngoại nhập	5	9.450.000	47.250.000
DỤNG CỤ CHỤP, CAN THIỆP ĐỘNG MẠCH VÀNH							
58	Điện cực tạo nhịp tạm thời loại không bóng phủ Hêparin	Điện cực tạo nhịp tạm thời loại không bóng phủ Hêparin Temporary pacing electrode catheters	Cái	Ngoại nhập	10	5.300.000	53.000.000
59	Dụng cụ thông tim và chụp buồng tim **Judkins Right JR** hoặc tương đương	Chất liệu làm bằng lưới thép không gỉ, bệnh đôi.Lumen lớn. Đầu tiếp mềm dẻo, tương thích tốt với cấu trúc mạch máu. Đủ các loại: JL, JR, PIG, AL,Ả, MPA, MPB, IMA, TIG,TWIST, DRC,SON, TIG. Đường kính: 4F, 5F, 6F dài 100cm.	Cái	Ngoại nhập	10	495.000	4.950.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
60	Dụng cụ thông tim và chụp buồng tim **Judkins Left JL** hoặc tương đương	Chất liệu làm bằng lưới thép không gỉ, bệnh đôi.Lumen lớn. Đầu tiếp mềm dẻo, tương thích tốt với cấu trúc mạch máu. Đủ các loại: JL, JR, PIG, AL,Ả, MPA, MPB, IMA, TIG,TWIST, DRC,SON, TIG. Đường kính: 4F, 5F, 6F dài 100cm.	Cái	Ngoại nhập	10	495.000	4.950.000
61	Ống thông chụp buông tim **Pigtail (Performa)** hoặc tương đương	Chất liệu nylon bền, mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE - Có đường viền bện (thép không gỉ) giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu típ tốt. - Làm bằng chất liệu có cản quang. - Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm-125cm - Đủ các loại thẳng, cong $145^0/155^0$ - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar) - Hạn dùng 3 năm	Cái	Ngoại nhập	5	640.000	3.200.000
62	Ống thông chụp buông tim **Pigtail** hoặc tương đương	Cấu tạo: Cấu trúc 3 lớp : lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan - rich nylon, lòng rộng hơn các loại catheter thông thường cùng cỡ, đầu catheter rất linh hoạt Đặc điểm, Hình dạng : Catheter có độ mềm mại cân bằng với độ cứngđể đẩy dễ dàng tới đích, không gập gẫy khi xoay lắc , Catheter có độ mềm mại cân bằng với độ cứngđể đẩy dễ dàng tới đích, không gập gẫy khi xoay lắc Kích thước: cỡ 5F, dài 65cm , 110cm, RF*FG1500GM, RF*FG15011M Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC Tiệt trùng: Oxide Ethylene Công dụng: Đưa tới các cơ quan lỗ vành phải, trái, thất trái để bơm thuốc cản quang chụp mạch, tim , Bì 1 cái	Cái	Ngoại nhập	5	640.000	3.200.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
63	Merit Manifold	Manifold 3 cổng -Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong 0.093" có 3 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực 200, 500 PSI (tùy mã sản phẩm) - Hạn sử dụng 3 năm	Cái	Ngoại nhập	100	375.060	37.506.000
64	Dụng cụ nối 2 đầu dương	Dụng cụ nối 2 đầu dương (Adaptor male to male)	Cái	Ngoại nhập	100	128.100	12.810.000
65	Dụng cụ thông tim và chụp buồng tim Multi Purpose Các cỡ	Cấu tạo:Cấu trúc 3 lớp : lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan - rich nylon, lòng rộng hơn các loại catheter thông thường cùng cỡ, đầu catheter rất linh hoạt Đặc điểm, Hình dạng : Catheter có độ mềm mại cân bằng với độ cứngđể đẩy dễ dàng tới đích, không gập gẫy khi xoay lắc , Catheter có độ mềm mại cân bằng với độ cứngđể đẩy dễ dàng tới đích, không gập gẫy khi xoay lắc..... Kích thước: cỡ 6F, 5F và 4F, dài 65, 80, 85, 100cm	Cái	Ngoại nhập	20	630.000	12.600.000
66	Túi truyền áp lực	Cho phép người sử dụng chuyển từ áp suất tiêu chuẩn (<300 mmHg) sang chế độ quá áp lực (300-450 mmHg) khi cần thiết. Có một van xả áp lực nhằm ngăn ngừa các túi bị nổ. Có loại 500ml, 1000ml, và 3000mL.	Cái	Ngoại nhập	10	535.000	5.350.000

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
67	Áo phẫu thuật 3 lớp L	- 01 x Áo phẫu thuật size L kích thước 132x152cm, không có khẩu trang, dùng vải SMMMS, có Bo tay thun mềm mại, ép dây bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống dứt dây, ép tay bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống thấm máu, chất dịch. - 01 x Khăn thấm 50x60cm Yêu cầu: làm từ vải SMMMS 5 lớp trở lên, được tiệt trùng bằng khí EO, không chứa cao su tự nhiên, không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da (có kết quả kiểm tra), Không chứa các độc tố (có kết quả kiểm tra), có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện và không có bụi vải, mới 100%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE 0120 hoặc tương đương	Cái	Việt Nam	300	34.440	10.332.000
68	Áo phẫu thuật 3 lớp M	- 01 x Áo phẫu thuật size M kích thước 120x137cm, không có khẩu trang, dùng vải SMMMS, có Bo tay thun mềm mại, ép dây bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống dứt dây, ép tay bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống thấm máu, chất dịch. - 01 x Khăn thấm 50x60cm Yêu cầu: làm từ vải SMMMS 5 lớp trở lên, được tiệt trùng bằng khí EO, không chứa cao su tự nhiên, không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da (có kết quả kiểm tra), Không chứa các độc tố (có kết quả kiểm tra), có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện và không có bụi vải, mới 100%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE 0120 hoặc tương đương	Cái	Việt Nam	300	30.975	9.292.500

STT/MSDT	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Hãng SX/Nước SX	Số lượng	Giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền dự kiến
69	Bộ khăn chụp mạch vành C	- 01 x Khăn phủ bàn dụng cụ 165x270cm, vải SMMMS 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện và được ép bằng vải SMMMS và màng plastic màu, dùng công nghệ phun keo tự động giúp khăn không có nếp nhăn giữa hai bề mặt. - 01 x Khăn can thiệp mạch 240x390 cm 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay,có thanh định hình , vải SMMMS 5 lớp và gia cố vùng thấm, màng phẫu thuật 3M, màng plastic trong, - 01 x Bao kính chắn chì 75x90 cm, màng plastic trong - 01 x Tấm phủ chắn chì 100x140cm, màng plastic trong - 01 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm, màng plastic trong Yêu cầu: làm từ vải SMMMS 5 lớp trở lên, được tiệt trùng bằng khí EO, không chứa độc tố (có kết quả kiểm tra), không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da (có kết quả kiểm tra), không chứa cao su tự nhiên, có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện và không có bụi vải, mới 100%, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE 0120 hoặc tương đương	Bộ	Việt Nam	150	325.000	48.750.000
70	Màng phẫu thuật 28 x 30 cm	Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, làm bằng nguyên liệu polyurethane (PU) Sản phẩm được sản xuất theo đúng tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485:2003, CE Marking, tiệt trùng .	Cái	Việt Nam	50	57.750	2.887.500
71	Màng phẫu thuật 15 x 28 cm	Màng phẫu thuật 28 x 15 cm, làm bằng nguyên liệu polyurethane (PU) Sản phẩm được sản xuất theo đúng tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485:2003, CE Marking, tiệt trùng .	Cái	Việt Nam	50	31.500	1.575.000
		Tổng cộng: 71 mặt hàng					**7.143.088.070**